

THAM TRẢ DỰ TOÁN NĂM 2023 TRƯỜNG TIỂU HỌC AN TÂY A

(Ban hành kèm theo Công văn số 10 /PGDDĐT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát)

DVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13 - đã trừ 10% tiết kiệm)	8.213.123.750	
1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.	6.053.573.750	
2	Chi bộ máy sau khi trừ 10% tiết kiệm cải cách tiền lương và huy động nguồn thu (nếu có).	1.351.350.000	
3	Chi hoạt động giảng dạy và học tập.	808.200.000	
II	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	1.083.136.840	
1	Thừa giờ	200.000.000	
2	Mua sắm + sửa chữa lớn	0	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm TSCĐ - CCDC		
3	Hỗ trợ chi phí học tập	6.300.000	
	Số học sinh		
	Định mức: số học sinh x 150.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng.	6.300.000	
4	Tiền tết	120.000.000	
	Số CB - GV - CNV:	60	
	Định mức: 2.000.000 đồng/người.	120.000.000	
5	Hỗ trợ theo Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019.	736.836.840	
5.1	Hỗ trợ nhân viên phục vụ	12.000.000	
	- Số người	2	
	- Số tiền (500.000 đồng/người/tháng)	12.000.000	
5.2	Hỗ trợ nhân viên bảo vệ	21.600.000	
	- Số người	3	
	- Số tiền (600.000 đồng/người/tháng)	21.600.000	
5.3	Hỗ trợ tiền trang phục nhân viên bảo vệ	1.800.000	
	- Số người	3	
	- Số tiền (600.000 đồng/2 bộ/người/năm)	1.800.000	
5.4	Hỗ trợ viên chức phụ trách công tác thư viện	3.576.000	
	- Số người	1	
	- Số tiền: 0.2 x mức lương cơ sở/người/tháng.	3.576.000	
5.5	Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên không trực tiếp giảng dạy,...	101.433.240	
	- Số người	4	
	- Số tiền:	101.433.240	
5.6	Hỗ trợ "Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11"	12.000.000	
	- Số người	60	
	- Số tiền (200.000 đồng/người)	12.000.000	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
5.7	Hỗ trợ công chức, viên chức điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú	2.700.000	
	- Từ 20km đến 40km	2.700.000	
	+ Số người	3	
	+ Số tiền (100.000 đồng/người/tháng x 12 tháng)	2.700.000	
	- Trên 40km	0	
	+ Số người		
	+ Số tiền (150.000 đồng/người/tháng x 12 tháng)	0	
5.8	Hỗ trợ tiền thuê nhà trọ (thời điểm được điều động, phân công phải sau thời điểm đăng ký thường trú). Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 5 năm.	0	
	- Số người		
	- Số tiền: 0.7 x mức lương cơ sở/người/tháng x 12 tháng.		
5.9	Hỗ trợ tiền nhà giáo ưu tú	0	
	- Số người		
	- Số tiền: 0.4 x mức lương cơ sở/người/tháng x 12 tháng.	0	
5.10	Hỗ trợ phổ cập giáo dục	0	
	- Số người		
	- Số tiền: 0.3 x mức lương cơ sở/người/tháng x 12 tháng.		
5.11	Hỗ trợ GVCN, GVBM dạy lớp tiêu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18 giờ dạy/giáo viên/tháng (9 tháng)	581.727.600	
	- Số người		
	+ Số tiền	581.727.600	
6	Hỗ trợ theo Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019.	20.000.000	
6.1	Hỗ trợ giáo viên có trình độ sau đại học (thạc sĩ).	0	
	- Số người		
	- Số tiền: 1.5 x mức lương cơ sở/người/tháng (hưởng 5 năm).	0	
6.2	Đào tạo (đi học theo QĐ sở,...)	20.000.000	
	Đào tạo tập huấn dài hạn (khuyến khích tự đào tạo)	20.000.000	
	TỔNG KINH PHÍ	9.296.260.590	

Số: 10 /PGDDĐT-KHTC

Bến Cát, ngày 03 tháng 01 năm 2023

V/v thẩm tra dự toán ngân sách nhà
nước năm 2023.

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước Bến Cát;
- Trường Tiểu học An Tây A.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-PGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (tại Phụ lục II.12);

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-THATA ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Trường Tiểu học An Tây A về việc thẩm định dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 cho Trường Tiểu học An Tây A.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát có ý kiến như sau:

Thống nhất thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 với số tiền 9.296.260.590 đồng (*Chín tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

Trong đó:

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13): 8.213.123.750 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12): 1.083.136.840 đồng.

(Đính kèm thẩm tra dự toán chi tiết)

Đối với các nội dung chi cần phải có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền. Đơn vị phải chủ động xin chủ trương thực hiện các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn, hội nghị,..... và chịu trách nhiệm với số lượng đại biểu, định mức, nội dung chi và thanh quyết toán chứng từ theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Phú Hải
Nguyễn Phú Hải



PHỤ LỤC II.12

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Trường Tiểu học An Tây A

Mã số: 1033053; Chương: 622; Khoản: 072

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1010/QĐ-PGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát)

ĐVT: Đồng

STT	Chi tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Chương - loại - khoản	Mã nguồn ngân sách	Dự toán (Tổng số)
1	2	3	4	5	6
	Tổng dự toán chi ngân sách Nhà nước		622-070-072		9.296.260.590
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (đã trừ 10% tiết kiệm)			13	8.213.123.750
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.			13	6.053.573.750
	Trong đó:				
	+ Lương biên chế				3.244.504.800
	+ Lương hợp đồng trong chi tiêu biên chế (9 tháng)				
	+ Lương hợp đồng Nghị Định 68				235.872.000
	+ Lương hợp đồng ngoài chi tiêu biên chế (9 tháng)				46.332.000
	+ Phụ cấp				1.568.893.116
	+ Các khoản đóng góp				957.971.834
	- Chi cho bộ máy.				1.501.500.000
	Trong đó:				
	+ Biên chế (55 biên chế x 25.000.000 đồng/biên chế/năm).				1.375.000.000
	+ Hợp đồng trong chi tiêu biên chế (0 hợp đồng x 9 tháng x 25.000.000 đồng/biên chế/năm).				
	+ Hợp đồng Nghị Định 68 (5 hợp đồng x 22.000.000 đồng/hợp đồng/năm).				110.000.000
	+ Hợp đồng ngoài chi tiêu biên chế (1 hợp đồng x 9 tháng x 22.000.000 đồng/hợp đồng/năm)				16.500.000
	+ Huy động nguồn thu.				
	+ Ngân sách phải cấp sau khi trừ huy động nguồn thu.				1.501.500.000
	Trong đó:				
	* Nguồn kinh phí thường xuyên			13	1.351.350.000
	* Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương.			14	150.150.000

STT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Chương - loại - khoản	Mã nguồn ngân sách	Dự toán (Tổng số)
1	2	3	4	5	6
	- Chi hoạt động giảng dạy và học tập: 450.000 đồng/học sinh/năm x 1.796 học sinh.			13	808.200.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			12	1.083.136.840
2.1	Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên				1.083.136.840
2.2	Kinh phí chi mua sắm				0